

**UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ**



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 9
NĂM HỌC 2025-2026**

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Toán	3
2	Công nghệ	6
3	Tin học	8
4	Khoa học tự nhiên	12
5	Ngữ văn	18
6	Lịch sử	19
7	Địa lý	21
8	GDCD	22
9	Tiếng Anh	23
10	Âm nhạc	28
11	Thể dục	28
12	Mỹ thuật	28
13	HĐTN	28
14	GDDP	29

MÔN TOÁN

I. Kiến thức trọng tâm

1. Số và Đại số:

- Phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, bất phương trình bậc nhất một ẩn.

2. Hình học:

- Tỷ số lượng giác của góc nhọn. Hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.

- Định nghĩa đường tròn, dây và đường kính của đường tròn.

- Góc ở tâm, số đo cung, góc nội tiếp.

- Độ dài cung tròn. Diện tích quạt tròn và hình vành khuyên.

- Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.

- Vị trí tương đối của đường thẳng với đường tròn, hai đường tròn.

II. Các dạng bài tập điển hình:

1. Giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. Giải phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.

2. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Toán thực tế.

3. Giải bất phương trình bậc nhất một ẩn.

4. Tính độ dài các cạnh, số đo các góc trong tam giác vuông.

5. Chứng minh bốn điểm cùng thuộc 1 đường tròn, hệ thức, tia tiếp tuyến...

II. PHẦN TỰ LUẬN

A. ĐẠI SỐ.

DẠNG 1. GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH

Bài 1: Giải các hệ phương trình sau:

$$\begin{array}{ll} \text{a) } \begin{cases} x - y = 3 & (1) \\ 3x - 4y = 2 & (2) \end{cases} & \text{b) } \begin{cases} 2x - 3y = 11 \\ 0,8x + 1,2y = 1 \end{cases} \end{array} \quad \begin{array}{ll} \text{c) } \begin{cases} 2x - y = 5 & (1) \\ 3x + y = 10 & (2) \end{cases} & \text{d) } \begin{cases} 3x = -2(y - 5) \\ 5x + 3y = -5 \end{cases} \end{array}$$

Bài 2: Giải các hệ phương trình sau

$$\begin{array}{ll} \text{a) } \begin{cases} 2(x + y) = 3x - y + 7 \\ 3(x - 2y) = x + y + 8 \end{cases} & \text{b) } \begin{cases} 2(x + y) + 3(x - y) = 4 \\ (x + y) + 2(x - y) = 5 \end{cases} \end{array} \quad \text{c) } \begin{cases} (x - 1)(y + 1) = xy + 4 \\ (x + 2)(y - 1) = xy - 10 \end{cases}$$

Bài 3: Giải các hệ phương trình sau

$$\begin{array}{ll} \text{a) } \begin{cases} \frac{2}{x-2} + \frac{1}{y+1} = 3 \\ \frac{4}{x-2} - \frac{3}{y+1} = 1 \end{cases} & \text{b) } \begin{cases} \frac{1}{x-1} - \frac{2}{y+3} = 7 \\ \frac{3}{x-1} + \frac{4}{y+3} = 1 \end{cases} \end{array} \quad \text{c) } \begin{cases} \frac{1}{x-2} + 3(y+3) = 7 \\ \frac{-3}{x-2} + 2(y+3) = 1 \end{cases}$$

DẠNG 2. PHƯƠNG TRÌNH QUY VỀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN

Bài 1: Giải các phương trình sau:

$$\text{a) } (x+2)(x-1) = 0 \quad \text{b) } 2x(x-3) = x-3 \quad \text{c) } 4x(x-3) - 3x + 9 = 0 \quad \text{d) } (5x-4)^2 - (3x-2)^2 = 0$$

Bài 2: Giải các phương trình sau:

$$\text{a) } \frac{x+2}{x-2} - \frac{5}{x} = \frac{8}{x^2-2x} \quad \text{b) } \frac{x-7}{x} = \frac{49}{x(x-7)} + \frac{3x}{x-7} \quad \text{c) } \frac{2}{x-3} + \frac{3}{x+3} = \frac{3x+5}{x^2-9}$$

DẠNG 3. GIẢI BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN

Bài 1: Giải các bất phương trình sau:

$$\text{a) } x+3 > 5 \quad \text{b) } 2x-7 > 8-x \quad \text{c) } 2x+3(x+1) > 5x-(2x-4) \quad \text{d) } (x+1)(2x-1) < 2x^2-4x+1$$

Bài 2: Giải các bất phương trình sau:

$$\text{a) } \frac{x-6}{3} \leq \frac{2x+1}{4} \quad \text{b) } \frac{2x-3}{2} > \frac{8x-11}{6} \quad \text{c) } \frac{x-2}{3} - \frac{x+1}{4} \leq \frac{x-2}{6} \quad \text{d) } \frac{x-1}{2} + \frac{2-x}{3} \leq \frac{3x-3}{4}$$

DẠNG 4. GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP HỆ PHƯƠNG TRÌNH

Bài 1. Tìm hai số tự nhiên, biết rằng tổng của chúng bằng 2021 và hiệu của số lớn và số bé bằng 15.

Bài 2. Tìm một số tự nhiên có hai chữ số, tổng các chữ số của nó bằng 11, nếu đổi chỗ hai chữ số hàng chục và hàng đơn vị cho nhau thì số đó tăng thêm 27 đơn vị.

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng ngắn hơn chiều dài 45 m. Tính diện tích thửa ruộng, biết rằng nếu chiều dài giảm đi 2 lần và chiều rộng tăng lên 3 lần thì chu vi thửa ruộng không thay đổi.

Bài 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi bằng 34m. Nếu tăng thêm chiều dài 3m và chiều rộng 2m thì diện tích tăng thêm 45m^2 . Hãy tính chiều dài và chiều rộng của mảnh vườn?

Bài 5. Một mảnh đất hình chữ nhật có độ dài đường chéo là 13m và chiều dài lớn hơn chiều rộng là 7m. Tính chiều dài và chiều rộng của mảnh đất đó.

Bài 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có diện tích là 168 m^2 . Nếu giảm chiều dài đi 1m và tăng chiều rộng thêm 1m thì mảnh vườn đó trở thành hình vuông. Tính chiều dài, chiều rộng của mảnh vườn

Bài 7. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc dự định trong một thời gian dự định. Nếu ô tô tăng vận tốc thêm 3 km/h thì thời gian rút ngắn được 2 giờ so với dự định. Nếu ô tô giảm vận tốc đi 3 km/h thì thời gian đi tăng hơn 3 giờ so với dự định. tính độ dài quãng đường AB.

Bài 8. Một ca nô chạy trên sông trong 8 giờ, xuôi dòng 81 km và ngược dòng 105 km. Một lần khác cũng chạy trên khúc sông đó, ca nô này chạy trong 4 giờ, xuôi dòng 54 km và ngược dòng 42 km. Hãy tính vận tốc khi xuôi dòng và ngược dòng của ca nô, biết vận tốc của dòng nước và vận tốc riêng của ca nô không đổi

Bài 9. Hai bạn An và Bình cùng may khẩu trang để ủng hộ địa phương đang có dịch bệnh Covid-19, thì mất 2 ngày mới hoàn thành công việc. Nếu chỉ có một mình bạn An làm việc trong 4 ngày rồi nghỉ và bạn Bình làm tiếp trong 1 ngày nữa thì hoàn thành công việc. Hỏi mỗi người làm riêng một mình thì sau bao lâu sẽ hoàn thành công việc?

Bài 10. Một đội công nhân A và B làm chung một công việc và dự định hoàn thành trong 12 ngày. Khi làm chung được 8 ngày thì đội A được điều động đi làm việc khác, đội B tiếp tục làm phần việc còn lại. Kể từ khi làm một mình, do cải tiến cách làm nên năng suất của đội B tăng gấp đôi, do đó đội B đã hoàn thành phần việc còn lại trong 8 ngày tiếp theo. Hỏi với năng suất ban đầu thì mỗi đội làm một mình sẽ hoàn thành công việc đó trong bao lâu?

Bài 11. Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng khẩu trang chống dịch COVID-19, theo kế hoạch, 1 tổ sản xuất của một nhà máy dự định làm 720000 khẩu trang. Do áp dụng kỹ thuật mới nên I đã sản xuất vượt kế hoạch 15% và tổ II vượt kế hoạch 12%, vì vậy họ đã làm được 819000 khẩu trang. Hỏi theo kế hoạch số khẩu trang của mỗi tổ sản xuất là bao nhiêu?

Bài 12. Hai tổ sản xuất được giao làm 800 sản phẩm trong 1 thời gian quy định, nhờ tăng năng suất lao động, tổ 1 vượt mức 10%, tổ hai vượt mức 20% nên cả hai tổ đã làm được 910 sản phẩm. Tính số sản phẩm phải làm theo kế hoạch của mỗi tổ?

Bài 13. Trong một kỳ thi, hai trường A,B có tổng cộng 350 học sinh dự thi. Kết quả là hai trường có tổng cộng 338 học sinh trúng tuyển. Tính ra thì trường A có 97% và trường B có 96% học sinh dự thi trúng tuyển. Hỏi mỗi trường có bao nhiêu thí sinh dự thi?

Bài 14. . Chú Hùng đầu tư 600 triệu đồng vào hai khoản: mua trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất 7% một năm và mua trái phiếu chính phủ với lãi suất 6% một năm. Cuối năm Chú Hùng nhận được 40,5 triệu đồng tiền lãi. Hỏi Chú Hùng đã đầu tư mỗi khoản bao nhiêu tiền.

Bài 15. Một cửa hàng thời trang trong một quý đã nhập hàng với tổng số vốn là 800 triệu và bán hết hàng trong quý đó. Cửa hàng gồm 2 loại thời trang nam và thời trang nữ. Biết thời trang nam lãi 15% và thời trang nữ lãi 20%, tổng số tiền lãi của quý đó là 145 triệu đồng. Tính số vốn cửa hàng đã nhập cho mỗi loại thời trang trên

DẠNG 5. BÀI TOÁN RÚT GỌN

Bài 1: Rút gọn các biểu thức:

$$A = 3\sqrt{\frac{1}{3}} + \frac{1}{2}\sqrt{48} + \sqrt{75}$$

$$B = 3\sqrt{20} - 20\sqrt{\frac{1}{5}} - \frac{4}{\sqrt{5} + \sqrt{3}}$$

$$T = \left(\sqrt{\frac{1}{2}} + \sqrt{4,5} + \sqrt{12,5} \right) \cdot \sqrt{2}$$

$$C = \sqrt{20} - 3\sqrt{125} - 5\sqrt{45}$$

$$D = \frac{3}{\sqrt{3} - \sqrt{2}} - 2\sqrt{(\sqrt{2} - \sqrt{3})^2} - 5\sqrt{2}$$

$$E = -3\sqrt{80} + 7\sqrt{45} - \sqrt{500}$$

$$F = \sqrt{(\sqrt{3} - 2)^2} + \sqrt{19 + 8\sqrt{3}}$$

$$G = \frac{\sqrt{14}}{\sqrt{7}} - \frac{5}{1 + \sqrt{2}} + \frac{\sqrt{28} - 2\sqrt{3}}{\sqrt{7} - \sqrt{3}}$$

$$H = \frac{5 + 2\sqrt{5}}{\sqrt{5}} - \frac{1}{\sqrt{5} - 2}$$

Bài 2. Cho hai biểu thức : $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x} + 3}$; $B = \frac{\sqrt{x} - 1}{\sqrt{x} - 2} + \frac{2 - 3\sqrt{x}}{x - 4}$; với $x > 0$ và $x \neq 4$.

- 1) Tính giá trị của A khi $x = 9$ 2) Rút gọn biểu thức B 3) Tìm các giá trị nguyên của x để $\frac{B}{A} > \frac{5}{4}$.

Bài 3. Cho biểu thức $A = \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x} + 3} + \frac{\sqrt{x} + 1}{\sqrt{x} - 3} + \frac{3 - 11\sqrt{x}}{9 - x}$; $B = \frac{\sqrt{x} - 3}{\sqrt{x} + 1}$ với $0 \leq x \neq 9$

- a) Tính giá trị của B tại $x = 36$ b) Rút gọn A . c) Tìm số nguyên x để $P = A.B$ là số nguyên.

Bài 4. Cho biểu thức $A = \frac{\sqrt{x} - 2}{\sqrt{x} + 2}$; $B = \frac{\sqrt{x} + 2}{\sqrt{x} - 2} - \frac{3}{\sqrt{x} + 2} + \frac{12}{4 - x}$ ($x \geq 0; x \neq 4$).

- a) Tính giá trị biểu thức A tại $x = 25$.

- b) Chứng minh: $B = \frac{\sqrt{x} - 1}{\sqrt{x} - 2}$ c) Biết $P = A.B$; Tìm giá trị của x để $|P| > P$.

B. HÌNH HỌC.

Bài 1: Cho nửa đường tròn tâm O , đường kính $AB = 2R$. Trên nửa mặt phẳng bờ là AB chứa nửa đường tròn, vẽ tiếp tuyến Ax, By . Từ điểm M tùy ý thuộc nửa đường tròn (M khác A, B) vẽ tiếp tuyến tại M cắt Ax, By lần lượt tại C, D . Gọi E là giao điểm của CO và AM , F là giao điểm của DO và BM .

- a) Chứng minh 4 điểm A, C, M, O cùng thuộc một đường tròn.
b) Chứng minh $AC + BD = CD$ và tứ giác $MEOF$ là hình chữ nhật.
c) Chứng minh tích $AC.BD$ không đổi khi M di động trên nửa đường tròn.

Bài 2: Cho điểm M nằm ngoài đường tròn $(O; R)$ sao cho $OM = 2R$. Từ M kẻ các tiếp tuyến MA, MB với đường tròn (O) , (A, B là các tiếp điểm). Kẻ đường kính AC của đường tròn (O) . Gọi H là giao điểm của AB và OM .

- 1) Chứng minh bốn điểm A, O, B, M cùng thuộc một đường tròn.

- 2) Tính tỉ số $\frac{OH}{OM}$

- 3) Gọi E là giao điểm của CM và đường tròn (O) . Chứng minh $HE \perp BE$.

Bài 3: Cho đường tròn $(O; R)$ và một điểm A nằm ngoài đường tròn đó, qua A vẽ các tiếp tuyến AB, AC với $(O; R)$, B và C là các tiếp điểm. Vẽ đường kính BOD của (O) .

- a, Chứng minh 4 điểm A, B, O, C cùng thuộc một đường tròn.
b, Chứng minh rằng $DC \parallel OA$.

c, Đường trung trực của BD cắt đường thẳng CD tại E . Chứng minh rằng tứ giác $OCEA$ là hình thang cân.

Bài 4: Cho nửa đường tròn (O) đường kính $AB = 2R$ và điểm C nằm ngoài nửa đường tròn. CA cắt nửa đường tròn tại M , CB cắt nửa đường tròn tại N . Gọi H là giao điểm của AN và BM .

a) Chứng minh rằng $CH \perp AB$.

b) Gọi I là trung điểm của CH . Chứng minh rằng MI là tiếp tuyến của nửa đường tròn (O)

Bài 5: Cho đường tròn (O) đường kính AB . Qua trung điểm I của bán kính OB kẻ dây $CD \perp AB$. Kẻ dây CE song song với AB . Chứng minh rằng:

a) $\widehat{AE} = \widehat{BC} = \widehat{BD}$.

b) E, O, D thẳng hàng.

c) $ADBE$ là hình chữ nhật

Bài 6:

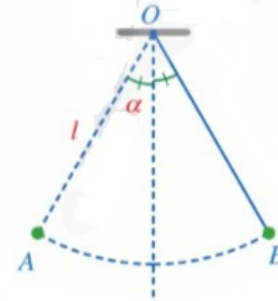
Hình quạt tô màu đỏ ở hình vẽ bên dưới có bán kính bằng 2 dm và góc ở tâm bằng 150° .

a) Tính diện tích của hình quạt đó.

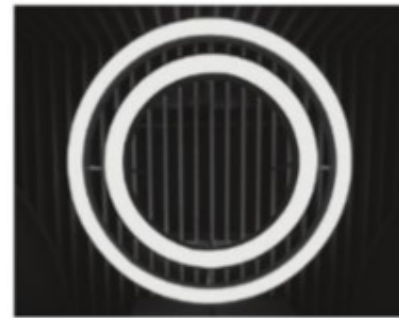
b) Tính chiều dài cung tương ứng với hình quạt tròn đó.



Bài 7: Một con lắc di chuyển từ vị trí A đến vị trí B (Hình vẽ). Tính độ dài quãng đường AB mà con lắc đó đã di chuyển, biết rằng sợi dây OA có độ dài bằng $l = 2(\text{cm})$ và tia OA tạo với phương thẳng đứng góc $\alpha = 15^\circ$.



Bài 8: Hình vẽ bên dưới mô tả mặt cắt của chiếc đèn led có dạng hình vành khuyên màu trắng với bán kính các đường tròn lần lượt là 15 cm, 18 cm, 21 cm, 24 cm. Tính diện tích hai hình vành khuyên đó.



MÔN CÔNG NGHỆ

I. NỘI DUNG: Từ bài 3 đến bài 6

Câu 1: Thợ chế biến thực phẩm là gì? Nêu các phẩm chất cần có của thợ chế biến thực phẩm?

Câu 2: Nêu các công việc chính và phẩm chất cần có của thợ vận hành máy sản xuất?

Câu 3: Đầu bếp trưởng là gì? Nêu năng lực và phẩm chất cần có của đầu bếp trưởng?

Câu 4: Trình bày vai trò của an toàn lao động trong chế biến thực phẩm

Câu 5: Nêu các lưu ý trong quá trình sử dụng và bảo quản dụng cụ, thiết bị nhà bếp. lấy ví dụ minh họa tại gia đình em.

Câu 6: Chế biến thực phẩm trong nước có thể chia thành mấy phương pháp? Hãy phân biệt các phương pháp đó? Trình bày phương pháp hấp và nướng trong chế biến thực phẩm?

Câu 7: Trình bày 10 quy tắc vàng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HỌA

Câu 1: Ngành chế biến thực phẩm là gì?

A. Kiểm tra và đánh giá chất lượng thực phẩm trong quá trình chế biến một cách định kì.

B. Cắt thịt từ xác động vật hay nướng, đông lạnh, hun nhiệt, nghiền, trộn, chế biến các loại thực phẩm, đồ uống,...

C. Chuẩn bị và nấu các bữa ăn trong khách sạn, nhà hàng, trên tàu thủy, tàu hỏa chở khách, gia đình riêng và các nơi ăn uống khác.

D. Nghiên cứu về cách chế biến và bảo quản các loại thực phẩm, các loại nông sản.

Câu 2: Em hiểu thế nào về ngành chế biến thực phẩm?

A. Vận hành dây chuyền chế biến và bảo quản thực phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.

B. Sơ chế nguyên liệu thực phẩm cho quá trình chế biến.

C. Chế biến thực phẩm thành các sản phẩm theo nhu cầu.

D. Giám sát máy móc và thiết bị chế biến thực phẩm.

Câu 3: Công việc của thợ chế biến thực phẩm là

A. Những người làm nhiệm vụ có liên quan thiết lập, vận hành, giám sát máy móc được dùng để giết mổ động vật, cắt thịt từ xác động vật,...

B. Những người lập kế hoạch, phát triển các công thức nấu ăn và thực đơn.

C. Những người làm nhiệm vụ có liên quan đến việc xử lý nguyên liệu động vật, thực vật thành các mặt hàng thực phẩm để tiêu thụ cho con người và động vật.

D. Những người làm nhiệm vụ chuẩn bị một số ít nguyên liệu, nấu và pha chế các thức ăn, đồ uống đơn giản.

Câu 4: Công việc của thợ vận hành máy sản xuất thực phẩm là

A. Những người làm nhiệm vụ có liên quan thiết lập, vận hành, giám sát máy móc được dùng để giết mổ động vật, cắt thịt từ xác động vật,...

B. Những người lập kế hoạch, phát triển các công thức nấu ăn và thực đơn.

C. Những người làm nhiệm vụ có liên quan đến việc xử lý nguyên liệu động vật, thực vật thành các mặt hàng thực phẩm để tiêu thụ cho con người và động vật.

D. Những người làm nhiệm vụ chuẩn bị một số ít nguyên liệu, nấu và pha chế các thức ăn, đồ uống đơn giản.

Câu 5: Lưu ý khi sử dụng loại dụng cụ, thiết bị được làm từ nhựa

A. Không nên để thức ăn nhiều dầu, mỡ, gia vị,...

B. Hạn chế sử dụng các chất tẩy rửa mạnh hoặc vật dụng có thể gây xước.

C. Phải khóa bình gas sau khi sử dụng.

D. Lau chùi sạch, để khô ráo khi không có nhu cầu sử dụng.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về lưu ý sử dụng và bảo quản dụng cụ được làm từ nhựa?

A. Khóa bình gas sau khi sử dụng.

B. Không nên tiếp xúc trực tiếp với lửa hoặc nguồn nhiệt có nhiệt độ quá cao.

C. Hạn chế sử dụng các chất tẩy rửa mạnh hoặc vật dụng có thể gây xước.

D. Để khô ráo, không phơi trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về lưu ý sử dụng và bảo quản dụng cụ được làm từ thủy tinh, gốm, sứ?

A. Cần thận trọng quá trình sử dụng, hạn chế va đập do dễ vỡ hoặc bong tróc lớp men, mẻ, nứt,...

B. Không đun nấu, đựng đồ nhiệt độ quá cao hoặc thay đổi nhiệt độ đột ngột.

C. Sau khi sử dụng cần rửa sạch, để khô ráo.

D. Ngắt điện, lau chùi sạch, để khô ráo các thiết bị khi không sử dụng.

Câu 8: Nội dung nào dưới đây **không** đúng khi nói về lưu ý sử dụng và bảo quản dụng cụ được làm từ kim loại (nhôm, gang, đồng, inox,...)?

A. Sau khi sử dụng cần rửa sạch, để khô ráo.

B. Đối với bề mặt có lớp phủ chống dính không nên dùng thìa (muỗng), đũa, dụng cụ kim loại để xào nấu miếng rửa kim loại để cọ rửa.

C. Không ngâm lâu trong nước.

D. Không nên để thức ăn nhiều dầu, mỡ, gia vị,... lâu ngày do nguy cơ xảy ra phản ứng hóa học, sinh ra chất có hại cho cơ thể.

Câu 9: Công việc cụ thể trong quá trình chế biến của phương pháp kho là gì?

A. Nấu nguyên liệu có nguồn gốc động vật trước, sau đó mới tới thực vật, nêm gia vị vừa ăn.

B. Nấu thực phẩm với lượng nước ít, có nêm nêm gia vị; sử dụng lửa nhỏ đến khi thực phẩm chín mềm (một số món sẽ cạn hoặc còn ít nước).

C. Sử dụng lửa lớn đến khi thực phẩm cạn nước.

D. Cho thực phẩm vào nước luộc với thời gian vừa đủ.

Câu 10: Công việc cụ thể trong quá trình trình bày món ăn của phương pháp kho là gì?

A. Cho thực phẩm vào nước luộc với thời gian vừa đủ.

B. Trình bày tùy ý theo đặc trưng mỗi nhóm.

C. Cho ra đĩa, có thể kèm nước chấm.

D. Làm sạch thực phẩm, cắt thái phù hợp.

MÔN TIN HỌC

I. Nội dung kiến thức ôn tập:

- Thế giới kỹ thuật số
- Thông tin trong giải quyết vấn đề. TH: Đánh giá chất lượng thông tin
- Một số vấn đề pháp lý về sử dụng dịch vụ Internet
- Tìm hiểu phần mềm mô phỏng. Khai thác phần mềm mô phỏng
- Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác. Sử dụng công cụ trực quan trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác.

II. Câu hỏi ôn tập:

II. Phần trắc nghiệm.

1. Khoanh vào chữ cái của câu trả lời đúng

Câu 1: Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2: Tiêu chí nào sau đây **không** được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được. B. Tính hấp dẫn. C. Tính mới D. Tính đầy đủ.

Câu 3: Phương án nào sau đây là ứng dụng hỗ trợ và phổ biến tệ nạn trên mạng?

- A. Internet Banking. B. Mua sắm trực tuyến.
C. Học online. D. Tổ chức đánh bạc trực tuyến.

Câu 4: Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
D. Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.

Câu 5: Văn bản nào quy định chi tiết việc bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin?

- A. Luật An ninh mạng. C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
B. Luật An toàn thông tin. D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 6: Hành vi nào sau đây khi hoạt động trong môi trường số không vi phạm pháp luật trái đạo đức, thiếu văn hóa?

- A. Đăng bài hoặc bình luận gây mâu thuẫn vùng miền.
B. Quảng cáo bán hàng, hóa đơn bị cấm.
C. Sử dụng trái phép tài khoản mạng của tổ chức và cá nhân khác.
D. Chia sẻ thông tin về lớp học ngôn ngữ lập trình trực tuyến.

Câu 7: Những hành động nào sau đây không vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa?

- A. Tải về một hình ảnh trên Internet khi chưa có sự cho phép của chủ sở hữu và sử dụng như là của mình.
B. Sử dụng ngôn ngữ phản cảm khi giao tiếp trên mạng xã hội.

C. Chúc mừng sinh nhật bạn trên mạng xã hội.

D. Đăng hình ảnh, video bôi nhọ, xúc phạm tập thể hoặc cá nhân lên mạng.

Câu 8: Để đính kèm đường liên kết trong sơ đồ tư duy ta chọn thao tác nào?

A. Chọn Insert/Hyperlink

B. Chọn Insert/Pictures

C. Chọn Insert/Equation

D. Chọn Insert/Header

Câu 9: Để đính kèm tệp trong sơ đồ tư duy ta chọn thao tác nào?

A. Chọn Insert/Attachment/Attachment

B. Chọn Insert/Hyperlink

C. Chọn Insert/Relationship

D. Chọn Insert/Subtopic

Câu 10: Để hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị dữ liệu khi nhập vào ô tính. Em sử dụng công cụ nào?

A. Công cụ lọc dữ liệu

B. Công cụ tìm kiếm

C. Công cụ xác thực dữ liệu (Data Validation)

D. Công cụ tính toán

Câu 11: Đây là lợi ích của phần mềm mô phỏng?

A. Giúp người nghiên cứu những nội dung lí thuyết một cách trực quan, sinh động.

B. Tạo ra nhiều tình huống để luyện tập hoặc nghiên cứu các đối tượng một cách đầy đủ hơn.

C. Hỗ trợ nghiên cứu đối tượng một cách toàn diện, sinh động và an toàn với chi phí thấp hơn nghiên cứu trực tuyến trong thực tế.

D. Hạn chế những tình huống có thể làm hỏng thiết bị hoặc gây nguy hiểm cho con người.

Câu 12: Những phương án nào sau đây không tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số đến xã hội?

A. Thông tin cá nhân của con người được số hóa.

B. Sử dụng thiết bị số liên tục trong thời gian dài ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của lớp trẻ.

C. Gia tăng ô nhiễm môi trường.

D. Làm gia tăng tỉ lệ thất nghiệp.

Câu 13: Để đánh giá chất lượng thông tin, em cần xem xét những tiêu chí nào?

A. Tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.

B. Tính mới, tính chính xác, tính nhiều thông tin, tính sử dụng được.

C. Tính thời sự, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.

D. Tính mới, tính thời sự, tính chính xác, tính sử dụng được.

Câu 14: Lợi ích nào sau đây là của phần mềm mô phỏng pha màu?

A. Tạo ra màu mới từ những màu đã cho.

B. Tiết kiệm được thời gian và vật liệu.

C. Có thể tìm hiểu được những hệ màu cơ bản khác nhau.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 15: Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

A. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.

B. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.

C. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.

D. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.

Câu 16: Khi tìm kiếm thông tin về Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm học 2024 – 2025, bạn Minh đã không để ý đến thời hạn nộp bài dự thi nên đã bỏ lỡ cơ hội tham gia. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

A. Tính đầy đủ.

B. Tính chính xác.

C. Tính mới.

D. Tính sử dụng được

Câu 17: Bài trình chiếu giúp người trình bày thực hiện điều gì?

A. Trình bày thông tin một cách có hệ thống và dễ hiểu

B. Chỉ liệt kê các thông tin cần trao đổi

C. Tạo ra một bản báo cáo dài

D. Tăng cường việc đọc tài liệu

Câu 18. Tiêu chí nào sau đây **không** được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được. B. Tính hấp dẫn. C. Tính cập nhật. D. Tính đầy đủ.

Câu 19. Một lợi ích lớn của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong hợp tác là gì?

- A. Giúp mọi người có thể làm việc độc lập mà không cần liên hệ với nhau
B. Tổ chức các ý tưởng một cách trực quan và dễ hiểu
C. Tăng số lượng thông tin trong cuộc họp
D. Giúp tăng thời gian trao đổi thông tin

Câu 20. Sơ đồ tư duy có ưu điểm gì khi sử dụng trong việc trao đổi thông tin?

- A. Tổ chức thông tin một cách logic và dễ dàng nắm bắt B. Tạo ra một bài giảng dài dòng
C. Chỉ sử dụng cho việc học cá nhân D. Giúp truyền tải văn bản dài

Câu 21. Sử dụng bài trình chiếu có thể giúp gì khi bạn cần trình bày một ý tưởng phức tạp cho nhóm?

- A. Giúp thể hiện ý tưởng một cách trực quan và dễ hiểu
B. Tăng cường sự phức tạp của ý tưởng
C. Giới hạn các chi tiết trong bài thuyết trình
D. Chỉ trình bày thông tin dưới dạng văn bản

Câu 22. Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
C. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở thành hữu ích.
D. Em có thể tìm thấy nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 23. Trong PowerPoint, tính năng nào giúp tạo ra các bài trình chiếu hiệu quả?

- A. Tính năng chèn hình ảnh và video B. Tính năng vẽ hình tự do
C. Tính năng tạo văn bản và bảng tính D. Tính năng xóa toàn bộ nội dung

Câu 24. Để làm rõ một điểm trong bài trình chiếu, bạn nên sử dụng gì?

- A. Sử dụng văn bản dài trên một slide
B. Sử dụng đồ họa, ảnh và video để minh họa
C. Chỉ sử dụng văn bản mà không có hình ảnh hoặc video
D. Sử dụng nhiều văn bản và ít hình ảnh

Câu 25. Khi sử dụng sơ đồ tư duy, một trong những cách tốt nhất để cải thiện việc trao đổi thông tin là gì?

- A. Tạo một bản ghi chi tiết các nội dung cuộc họp
B. Kết nối các ý tưởng và mối liên hệ giữa chúng một cách rõ ràng
C. Thể hiện thông tin theo dạng văn bản dài
D. Tạo ra các hình ảnh không liên quan để gây ấn tượng

Câu 26. Khi đính kèm ảnh vào sơ đồ tư duy, bạn cần lưu ý điều gì?

- A. Đảm bảo ảnh có liên quan và làm rõ thông tin
B. Sử dụng càng nhiều ảnh càng tốt
C. Đính kèm ảnh mà không xem xét tính liên kết của chúng
D. Không cần chú ý đến chất lượng ảnh

Câu 27. Sử dụng sơ đồ tư duy trong hợp tác nhóm có thể giúp nhóm đạt được điều gì?

- A. Xác định các nhiệm vụ cá nhân mà không cần sự hợp tác
B. Tạo ra một bản báo cáo dài mà không cần phân tích
C. Tổ chức và phát triển ý tưởng nhóm một cách hiệu quả và sáng tạo
D. Đưa ra quyết định mà không thảo luận với các thành viên

Câu 28. Trong một cuộc họp nhóm để phát triển dự án, bạn cần trình bày kế hoạch chi tiết. Bạn sẽ sử dụng công cụ nào để trình bày thông tin hiệu quả nhất?

- A. Sử dụng bài trình chiếu PowerPoint kết hợp với đồ họa và sơ đồ tư duy để làm rõ các mối liên hệ giữa các yếu tố trong kế hoạch
- B. Sử dụng chỉ văn bản trên một bảng trắng để giải thích kế hoạch
- C. Trình bày kế hoạch thông qua các tài liệu giấy
- D. Chỉ sử dụng một bảng Excel để trình bày thông tin

Câu 29. Khi em đang làm việc trong nhóm và muốn giải thích một biểu đồ phức tạp, công cụ nào sẽ giúp em làm rõ ý tưởng nhất?

- A. Chỉ sử dụng văn bản để giải thích biểu đồ
B. Tạo sơ đồ tư duy và đính kèm hình ảnh của biểu đồ vào đó
C. Đọc tất cả các chi tiết trong biểu đồ mà không có giải thích thêm
D. Không sử dụng công cụ hỗ trợ nào và chỉ viết trên bảng trắng

Câu 30: Khi tìm kiếm thông tin về Cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU năm học 2024 – 2025, bạn Minh đã không để ý đến thời hạn nộp bài dự thi nên đã bỏ lỡ cơ hội tham gia. Theo em, sơ suất này vi phạm tiêu chí nào về chất lượng thông tin?

- A. Tính đầy đủ. B. Tính chính xác. C. Tính mới. D. Tính sử dụng được

Câu 31: Khi em thấy một quảng cáo trên YouTube, em sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.
B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.
C. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
D. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

Câu 32: Nguồn thông tin đáng tin cậy để tìm hiểu thông tin về kì thi tuyển sinh lớp 10 là:

- A. mạng xã hội.
B. trang web của Bộ Thông tin và Truyền thông.
C. trang web của Sở Giáo dục và Đào tạo.
D. thông tin từ bạn bè.

2. Trắc nghiệm đúng sai: Em hãy chọn phương án Đ (Đúng), S (Sai) cho mỗi câu dưới đây:

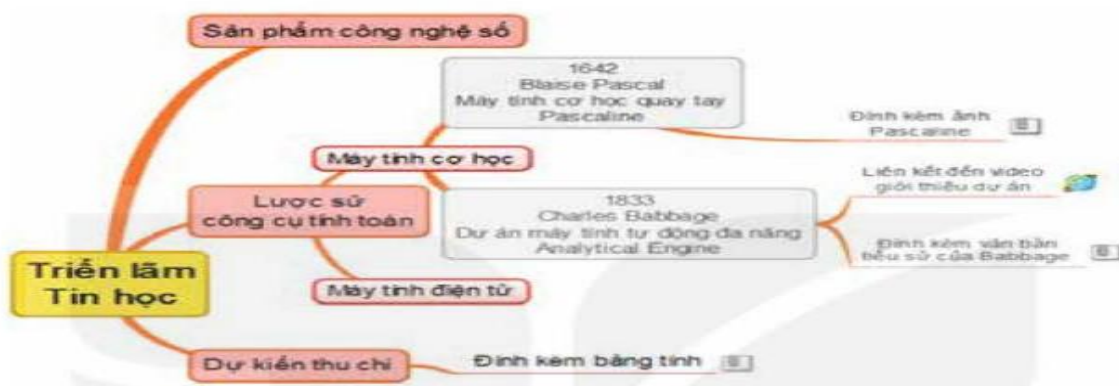
Câu 33: Sử dụng bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác theo các cách nào?

- A. Trình bày trực tiếp
B. Chia sẻ để các thành viên khác xem độc lập
C. Chia sẻ để các thành viên cập nhật độc lập
D. Chia sẻ để cộng tác theo thời gian thực

Câu 34: Các hành vi sau đây có vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa trong môi trường số không?

- A. Gửi thư điện tử cho bạn bè.
B. Viết bài chia sẻ thông tin cá nhân và chuyện tình cảm của một bạn mình ghét lên mạng xã hội.
C. Đăng kí sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền.
D. Dùng mạng xã hội để đe dọa bạn, bắt bạn phải đưa tiền nếu không sẽ đánh bạn.

Câu 35: Cho sơ đồ sau:



Các khẳng định sau là đúng hay sai?

- A. Sơ đồ tư duy trên được tạo ra bằng phần mềm. B. Sơ đồ tư duy trên có đính kèm tệp.
C. Sơ đồ tư duy trên có đính kèm tệp âm thanh. D. Sơ đồ tư duy trên không đính kèm tệp ảnh.

III. Dạng bài tham khảo: Phần tự luận:

Câu 1. Em hãy cho biết tác hại của việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều. Nếu đó là người thân của em thì em sẽ khuyên như thế nào?

Câu 2. Để trao đổi thông tin về dự án chung gồm có: tên dự án, người tham dự, dự kiến đầu vào và sản phẩm đầu ra, liệt kê các công việc chính cần làm và phân công việc, bạn An tạo một tệp văn bản. Minh làm một bài trình chiếu về dự án này. Khoa làm sơ đồ tư duy. Theo em, cách làm của bạn nào giúp việc trao đổi thông tin hiệu quả hơn?

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. MẠCH NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI NĂNG LƯỢNG.

I. Nội dung:

Bài 3: Khúc xạ ánh sáng và phản xạ toàn phần

Bài 4: Hiện tượng tán sắc ánh sáng. Màu sắc ánh sáng

II. Cấu trúc bài kiểm tra

1. Trắc nghiệm (7đ)

- Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4đ)
- Đúng – sai (2đ)
- Câu trả lời ngắn (1đ)

2. Tự luận (3đ)

- Xác định chiết suất
- Áp dụng định luật khúc xạ ánh sáng.
- Hiện tượng phản xạ toàn phần- Tính góc tới hạn
- Giải thích hiện tượng tán sắc ánh sáng, màu sắc các vật
- Sự truyền ánh sáng qua lăng kính

III. Một số câu minh họa

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1: Chiết suất của nước và của thủy tinh đối với một ánh sáng đơn sắc có giá trị lần lượt là 1,333 và 1,532. Chiết suất tỉ đối của nước đối với thủy tinh ứng với ánh sáng đơn sắc này là

- A. 0,199. B. 0,870. C. 1,433. D. 1,149.

Câu 2: Biết thủy tinh có chiết suất $n = 1,6$ và tốc độ ánh sáng trong chân không là $c = 3.10^8$ m/s. Tốc độ của ánh sáng truyền trong thủy tinh là

- A. $2,23.10^8$ m/s. B. $1,875.10^8$ m/s. C. $2/75.10^8$ m/s. D. $1,5.10^8$ m/s.

Câu 3: Chiếu một ánh sáng đơn sắc từ chân không vào một khối chất trong suốt với góc tới 45° thì góc khúc xạ bằng 30° . Chiết suất tuyệt đối của môi trường này là

- A. $\sqrt{2}$. B. $\sqrt{3}$. C. 2. D. $\frac{\sqrt{3}}{2}$.

Câu 4: Một tia sáng truyền trong không khí tới gặp mặt thoáng của một chất lỏng có chiết suất $\sqrt{2}$ với góc tới bằng 45° thì góc khúc xạ khi đó bằng

- A. 30° . B. 45° . C. 60° . D. 90° .

Câu 5: Chiếu một tia sáng với góc tới 30° đi từ thủy tinh ra không khí. Cho biết chiết suất thủy tinh bằng $\sqrt{2}$. Góc khúc xạ của tia sáng bằng

- A. $20,7^\circ$. B. $27,5^\circ$. C. 45° . D. 60° .

Câu 6: Một tia sáng truyền từ không khí vào nước, chiết suất của nước là $n = \frac{4}{3}$, một phần phản xạ và một phần khúc xạ vuông góc với nhau. Góc tới i phải có giá trị bằng

A. 30° .B. 35° .C. 53° .D. 60° .

Câu 7: Tia sáng truyền trong không khí tới gặp mặt thoáng một chất lỏng, chiết suất $n = \sqrt{3}$. Hai tia phản xạ và khúc xạ vuông góc với nhau. Góc tới i có giá trị là

A. 60° .B. 30° .C. 45° .D. 50° .

Câu 8: Một tia sáng Mặt Trời truyền qua một lăng kính sẽ cho tia ló

A. bị tách ra thành nhiều tia sáng có màu khác nhau.

B. vẫn là một tia sáng trắng.

C. bị tách ra nhiều thành tia sáng trắng.

D. là một tia sáng trắng có viền màu

Câu 9: Chiếu một tia sáng tới một mặt bên của lăng kính thì

A. luôn luôn có tia sáng ló ra ở mặt bên thứ hai của lăng kính.

B. tia ló lệch về phía đáy của lăng kính so với tia tới.

C. tia ló lệch về phía đỉnh của lăng kính so với tia tới.

D. đường đi của tia sáng đối xứng qua mặt phân giác của góc ở đỉnh

Câu 10: Chiếu chùm sáng trắng hẹp tới mặt bên của một lăng kính thủy tinh đặt trong không khí. Khi đi qua lăng kính, chùm sáng này

A. không bị lệch khỏi phương ban đầu.

B. bị phản xạ toàn phần.

C. bị thay đổi tần số.

D. bị tán sắc.

2. Đúng sai

Câu 11: Nội dung

Đúng Sai

Chiếu một tia sáng từ không khí vào nước với góc tới $i=30^\circ$. Cho biết chiết suất của nước là $n=4/3$ và coi tốc độ ánh sáng trong không khí là $c=3.10^8$ m/s. Hãy tính vận tốc của ánh sáng khi truyền trong nước và góc khúc xạ.

a. Vận tốc của ánh sáng trong nước là $2,25.10^8$ m/s.☐☐b. Góc khúc xạ r có thể được tính bằng công thức $n_1 \sin i = n_2 \sin r$.☐☐c. Góc khúc xạ r là 22° .☐☐d. Góc lệch D giữa tia tới và tia khúc xạ là 8° .☐☐

Câu 12: Một tia sáng truyền từ một chất lỏng ra ngoài không khí dưới góc tới $i=45^\circ$. Biết góc khúc xạ $r=60^\circ$. Tính chiết suất của chất lỏng và góc tới để tia khúc xạ nằm sát mặt phân cách.

a. Chiết suất của chất lỏng được tính bằng công thức $n = \frac{\sin i}{\sin r}$.☐☐

b. Chiết suất của chất lỏng là 1,33.

☐☐c. Góc tới i_c để có tia khúc xạ nằm sát mặt phân cách là $48,75^\circ$.☐☐

d. Khi tia khúc xạ nằm sát mặt phân cách, tia sáng sẽ phản xạ toàn phần.

☐☐

3. Câu trả lời ngắn

Câu 13: Chiếu một tia sáng từ nước tới mặt phân cách giữa nước và không khí. Biết chiết suất của nước và không khí lần lượt là $n_1 = \frac{4}{3}$, $n_2 = 1$.

a. Khi góc tới bằng 30° . Thì góc khúc xạ là:b. Khi góc tới bằng 60° thì

4. Tự luận:

Câu 14: Chiếu tia sáng đỏ tới vuông góc với mặt bên AB của lăng kính tam giác cân ABC đặt trong không khí, có góc $A = 30^\circ$. Biết chiết suất của lăng kính đối với ánh sáng đỏ là 1,513.

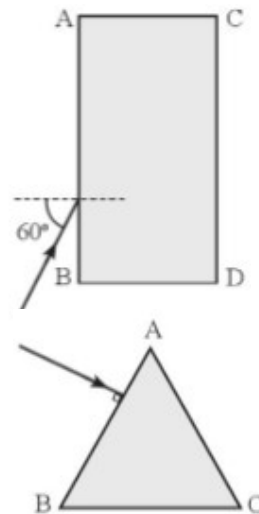
a) Tính góc khúc xạ của tia sáng tại mặt bên AB và mặt bên AC.

b) Tính góc lệch của tia ló ra khỏi lăng kính so với tia tới.

c) Vẽ đường truyền của tia sáng qua lăng kính.

Câu 15: Chiếu tia sáng gồm ánh sáng màu đỏ và lục tới bề mặt của tấm thủy tinh dày có hai mặt song song với góc tới $i = 60^\circ$. Biết chiết suất của thủy tinh đối với ánh sáng đỏ và ánh sáng lục lần lượt là 1,513 và 1,529.

- Tính góc khúc xạ của tia sáng tại mặt phân cách AB.
- Tia khúc xạ tại mặt AB tiếp tục đi đến mặt CD và bị khúc xạ tại đó để ló ra ngoài. Tính góc ló ra của mỗi tia sáng đơn sắc.
- Vẽ đường truyền của tia sáng qua tấm thủy tinh.



Câu 16: Chiếu tia sáng đỏ tới mặt bên AB của lăng kính tam giác đều ABC đặt trong không khí. Biết chiết suất của lăng kính đối với ánh sáng đỏ là 1,513.

- Vẽ đường truyền của tia sáng qua lăng kính.
- Tính góc lệch của tia ló ra khỏi lăng kính so với tia tới.

B. MẠCH CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT.

I. LÝ THUYẾT

- **Bài 18: Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại:** Chỉ ra được sự khác nhau cơ bản về một số tính chất giữa phi kim và kim loại.

- **Bài 19: Giới thiệu về hợp chất hữu cơ**

- + Nêu được khái niệm HCHH và HHHC. Phân biệt được hợp chất vô cơ hay hữu cơ theo CTPT.
- + Trình bày được sự phân loại sơ bộ HCHH
- + Nêu được khái niệm CTPT, CTCT và ý nghĩa của nó, đặc điểm cấu tạo HCHC

- **Bài 20: Alkane**

- + Nêu được khái niệm hydrocarbon, alkane.
- + Viết CTCT và gọi tên được một số alkane đơn giản, thông dụng (C1 – C4)
- + Viết được PTHH đốt cháy butane và các alkane khác.

- **Bài 21: Alkene**

- + Nêu được khái niệm alkene. Viết được CTCT, tính chất vật lý của ethylene
- + Viết các PTHH minh họa tính chất hóa học của ethylene và các alkene khác.
- + Trình bày được ứng dụng của ethylene (tổng hợp alcohol, nhựa PE).

- **Bài 22: Nguồn nhiên liệu**

- + Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí TN và khí mỏ dầu. Trình bày phương pháp khai thác dầu mỏ, khí TN và một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ, ứng dụng của dầu mỏ
- + Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến. Trình bày được cách sử dụng nhiên liệu, từ đó có cách ứng xử thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu trong cuộc sống

II. Cấu trúc bài kiểm tra

1. Trắc nghiệm (7đ)

- Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4đ)
- Đúng – sai (2đ)
- Câu trả lời ngắn (1đ)

2. Tự luận (3đ)

- Xác định công thức phân tử và viết CTCT của alkane, alkene.
- Tính thể tích khí oxygen hoặc không khí cần dùng để đốt cháy hydrocarbon(alkane, alkene).
- Viết PTHH thực hiện dãy chuyển hóa giữa các chất hữu cơ.
- Phân biệt alkane, alkene bằng phương pháp hóa học.

III. MỘT SỐ CÂU MINH HỌA

1. Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Câu 1: Chất nào sau đây thuộc loại hợp chất hữu cơ?

- A. CO_2 . B. CO . C. K_2CO_3 D. CH_4
- Câu 2:** Dãy các hợp chất nào sau đây đều là hợp chất hữu cơ?
 A. CH_4 , C_2H_6 , CO . B. C_6H_6 , CH_4 , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
 C. CH_4 , C_2H_2 , CO_2 . D. C_2H_2 , $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, BaCO_3 .
- Câu 3:** Dãy các chất nào sau đây đều là hydrocarbon?
 A. C_2H_6 , C_4H_{10} , CH_4 . B. CH_4 , C_2H_2 , $\text{C}_3\text{H}_7\text{Cl}$.
 C. C_2H_4 , CH_4 , $\text{C}_2\text{H}_5\text{Br}$. D. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, C_3H_8 , C_2H_2 .
- Câu 4:** Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hydrocarbon?
 A. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, C_2H_4 , C_2H_2 . B. C_2H_4 , $\text{C}_3\text{H}_7\text{Cl}$, CH_4O .
 C. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_7\text{Cl}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{Br}$. D. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, C_3H_8 , C_2H_2 .
- Câu 5:** Thành phần phần trăm về khối lượng của nguyên tố C trong $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}$ là
 A. 30% B. 40% C. 50% D. 60%
- Câu 6:** Cho các công thức cấu tạo sau, cặp chất nào có cùng công thức phân tử?
 (a) $\text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_3$, (b) $\text{CH}_3\text{—O—CH}_2\text{CH}_3$,
 (c) $\text{CH}_3\text{—O—CH}_3$, (d) $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{—OH}$.
 A. (a) và (b). B. (b) và (d). C. (a) và (c). D. (b) và (c).
- Câu 7:** Phân tử chất hữu cơ X có 2 nguyên tố C, H. Tỷ khối hơi của X so với H_2 là 22. Công thức phân tử của X là
 A. C_4H_8 B. C_3H_8 C. C_3H_6 D. C_6H_6
- Câu 8:** Công thức phân tử nào sau đây **không** phải là công thức của một alkane?
 A. C_2H_6 B. C_3H_6 C. C_4H_{10} D. C_5H_{12} .
- Câu 9:** Khi đốt cháy hoàn toàn alkane sẽ tạo ra sản phẩm là:
 A. CO_2 B. H_2O C. CO_2 và H_2O . D. CO_2 và H_2
- Câu 10:** Alkane là những hydrocarbon mạch hở, chỉ chứa các liên kết đơn trong phân tử, có công thức chung là
 A. $\text{C}_n\text{H}_{2n+2}$ ($n \geq 1$). B. C_nH_{2n} ($n \geq 2$). C. $\text{C}_n\text{H}_{2n-2}$ ($n \geq 2$). D. $\text{C}_n\text{H}_{2n-6}$ ($n \geq 6$).
- Câu 11:** Cho phương trình hóa học: $2\text{X} + 7\text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} 4\text{CO}_2 + 6\text{H}_2\text{O}$. X là
 A. C_2H_2 . B. C_2H_4 . C. C_2H_6 . D. C_6H_6
- Câu 12:** Cho nhiệt đốt cháy hoàn toàn 1 mol các chất ethane, propane, butane và pentane lần lượt là 1 570 kJ.mol⁻¹; 2 220 kJ.mol⁻¹; 2 875 kJ.mol⁻¹ và 3 536 kJ.mol⁻¹. Khi đốt cháy hoàn toàn 1 gam chất nào sẽ thu được lượng nhiệt lớn nhất?
 A. Ethane. B. Propane. C. Pentane. D. Butane.
- Câu 13:** Để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng, dầu người ta dùng biện pháp
 A. phun nước vào ngọn lửa. B. phủ cát vào ngọn lửa.
 C. thổi oxi vào ngọn lửa. D. phun dung dịch muối ăn vào ngọn lửa.
- Câu 14:** Thành phần chính của khí đồng hành (hay khí mỏ dầu) là
 A. H_2 . B. CH_4 . C. C_2H_4 . D. C_2H_2 .
- Câu 15:** Thành phần chủ yếu của khí thiên nhiên là
 A. hydrogen. B. methane. C. ethene. D. ethyne.
- Câu 16:** Dầu mỏ là nguồn nhiên liệu
 A. hóa thạch. B. tái tạo được. C. tái sử dụng. D. sử dụng lại được.
- Câu 17:** Cho các chất: K, Mg, C, Al, O_2 , Cl_2 , S. Có bao nhiêu chất chỉ có khả năng nhường electron trong các phản ứng hóa học?
 A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

2. Trắc nghiệm đúng -sai.

- Câu 18:** Ở điều kiện thường, một số hydrocarbon là chất khí, còn lại là chất lỏng hoặc rắn.
 a. Propane (C_3H_8) là một hydrocarbon thường tồn tại ở dạng khí.
 b. Các hydrocarbon đều hòa tan tốt trong nước.
 c. Ethylene (C_2H_4) là một hydrocarbon có trong khí sinh ra từ một số loại quả chín.

d. Để sử dụng hydrocarbon hiệu quả, cần xác định trạng thái tồn tại của chúng ở điều kiện thường.

Câu 19. Alkane là hydrocarbon mạch hở chỉ chứa liên kết đơn và thường được gọi là hydrocarbon no.

- Công thức chung của alkane là C_nH_{2n} .
- Alkane chỉ có thể tồn tại ở trạng thái khí.
- Methane, ethane và propane đều là các alkanes.
- Để xác định tính chất của một alkane, cần kiểm tra các liên kết trong phân tử và điều kiện tồn tại của nó.

3. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 20. Cho các chất: Na_2O , CO , Al_2O_3 , CO_2 , SO_2 , Fe_3O_4 .

- Có bao nhiêu oxide acid trong dãy trên?
- Có bao nhiêu oxide tác dụng được với dung dịch acid HCl loãng tạo thành muối và nước?

4. Phần tự luận:

Câu 1. Viết phương trình hóa học cho phản ứng giữa khí O_2 với

- S , P , C .
- Na , Cu , Mg .

Hãy cho biết sản phẩm tạo thành từ các phản ứng trên thuộc loại hợp chất nào đã học?

Câu 2. Viết công thức cấu tạo đầy đủ và thu gọn của các chất sau: CH_4 , C_2H_6 , C_2H_4 , C_3H_8 , C_4H_{10} .

Câu 3. Viết các phương trình hóa học của các phản ứng hóa học sau: (ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có).

- Đốt cháy butane, ethylene, methane.
- Dẫn khí ethylene đi qua nước bromine (Br_2).
- Ethylene tham gia phản ứng trùng hợp.

Câu 4. Trình bày phương pháp hóa học nhận biết các khí sau: CH_4 , C_2H_4 .

Câu 5. A là một alkane (C_nH_{2n+2}) có khối lượng phân tử bằng 58 amu. Xác định công thức phân tử, viết công thức cấu tạo của alkane? (Biết $C=12$, $H=1$).

Câu 6. Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam một alkane X

- Tìm công thức phân tử của X biết tỉ khối của X so với H_2 bằng 22.
- Viết công thức cấu tạo của X biết rằng X chỉ gồm các liên kết đơn.
- Tính thể tích của không khí, biết Thể tích của oxygen = 20% thể tích không khí (đkc).

Câu 7. Có các alkene: $CH_3 - CH = CH_2$; $CH_2 = CH - CH_2 - CH_3$. Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra khi:

- Cho các alkene trên tác dụng với nước bromine.
- Đốt cháy các alkene trên.
- Trùng hợp các alkene trên.

C. MẠCH VẬT SỐNG

I. Lí thuyết

Bài 33: Gen là trung tâm của di truyền học

Bài 34: Từ gene đến tính trạng

Bài 35: Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể.

Bài 36: Nguyên phân và giảm phân

II. Câu hỏi minh họa

1. Trắc nghiệm

Dạng 1: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Khi nói về cấu trúc không gian của phân tử DNA, phát biểu nào dưới đây **không** đúng

- Trong mỗi mạch DNA, các đơn phân liên kết với nhau bằng liên kết cộng hóa trị.
- Giữa hai mạch DNA, các đơn phân liên kết hydrogen với nhau theo nguyên tắc bổ sung.

C. DNA có cấu trúc xoắn kép, gồm hai mạch song song, ngược chiều, xoắn quanh một trục từ phải sang trái.

D. Đơn phân cấu tạo nên phân tử DNA gồm adenine (A), thymine (T), cytosine (C) và guanine (G).

Câu 2. Trong lĩnh vực pháp y điều tra tội phạm, bằng cách thu thập, phân tích và so sánh trình tự DNA ở hiện trường với DNA của nạn nhân và các nghi phạm, người ta có thể để tìm ra bằng chứng cung cấp cho cơ quan điều tra. Cơ sở của việc lựa chọn DNA làm bằng chứng là dựa vào những đặc điểm nào sau đây của DNA?

A. DNA có khả năng mang, lưu trữ và bảo quản thông tin di truyền của cá thể.

B. DNA không có khả năng mang, lưu trữ và bảo quản thông tin di truyền của cá thể.

C. Cấu trúc không gian của các DNA là khác nhau.

D. Cấu tạo đơn phân nucleotide của các DNA là khác nhau.

Câu 3. Khi tâm động nằm ở vị trí giữa của NST thì được gọi là

A. tâm mút.

B. tâm giữa.

C. tâm cân.

D. tâm lệch.

Câu 4. Vị trí của gene trên nhiễm sắc thể được gọi là

A. allele.

B. trình tự.

C. locus.

D. tính trạng.

Câu 5. Nhiễm sắc thể phân bố ở đâu trong tế bào?

A. Màng tế bào.

B. Thành tế bào.

C. Nhân tế bào.

D. Tế bào chất.

Câu 6. Dưa hấu có bộ NST $2n = 18$. Tế bào rễ của loài này có số lượng NST là

A. 20.

B. 9.

C. 36.

D. 18.

Câu 7. Các tế bào lưỡng bội của gà chứa 78 nhiễm sắc thể, số nhiễm sắc thể trong tế bào đơn bội của loài này là

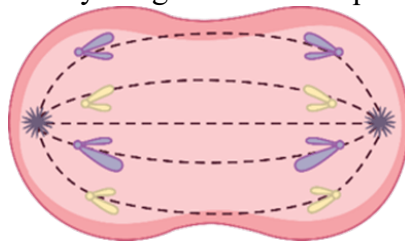
A. 156.

B. 39.

C. 19.

D. 78.

Câu 8. Tế bào trong hình ảnh dưới đây đang ở kì nào của quá trình nguyên phân?



A. Kì cuối.

B. Kì giữa.

C. Kì sau.

D. Kì đầu.

Câu 9. Quá trình giảm phân diễn ra ở loại tế bào nào dưới đây?

A. Tế bào soma.

B. Tế bào hợp tử.

C. Tế bào mầm sinh dục.

D. Tế bào sinh dục chín.

Câu 10. Tại kì nào của quá trình nguyên phân, hai chromatid của mỗi NST kép bắt đầu tách rời nhau thành hai NST đơn và di chuyển về hai cực của tế bào?

A. Kì sau.

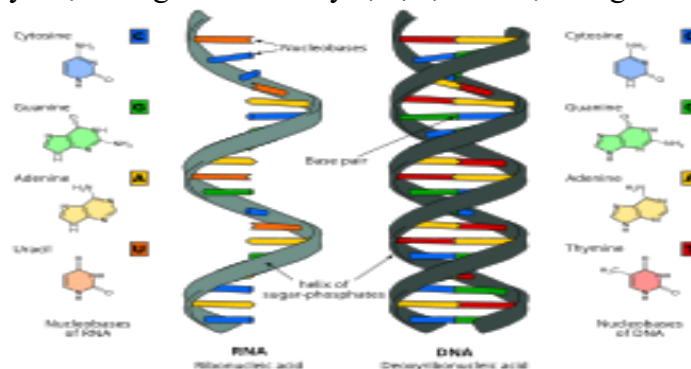
B. Kì cuối.

C. Kì giữa.

D. Kì đầu.

Dạng 2: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Câu 1: Nucleic acid được cấu tạo bởi các đơn phân gọi là nucleotide. Cho hình ảnh DNA và RNA như sau, em hãy chọn đúng/sai cho các ý a, b, c, d về nội dung trên?



- a) Nucleic acid chỉ có một loại là DNA.
- b) Cả DNA và RNA đều có cấu trúc mạch kép.
- c) Nucleic acid đóng vai trò quan trọng trong quá trình tổng hợp protein.
- d) Trong DNA, adenin (A) bắt cặp với thymine (T); nhưng trong RNA, adenin (A) bắt cặp với uracil (U).

Câu 2: NST là cấu trúc mang gene nằm trong nhân tế bào, là cơ sở vật chất chủ yếu của tính di truyền ở cấp độ tế bào của sinh vật nhân thực.

- a) Nhiễm sắc thể được cấu tạo từ DNA và protein loại Histone.
- b) Nhiễm sắc thể chỉ tồn tại ở tế bào động vật.
- c) Nhiễm sắc thể chỉ hiện diện trong giai đoạn phân chia tế bào.
- d) Nhiễm sắc thể gồm 2 nhiễm sắc tử chị em dính với nhau tại tâm động.

Dạng 3: Trắc nghiệm Trả lời ngắn

Câu 1. Một hợp tử của gà ($2n = 78$) nguyên phân một số lần liên tiếp, các tế bào con của hợp tử trên đã chứa tất cả 624 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Hãy xác định:

- a. Số lần nguyên phân của hợp tử
- b. Số NST trong các TB có nguyên liệu hoàn toàn mới.

Câu 2. Mã di truyền là bộ quy tắc mà tế bào sử dụng để dịch thông tin từ trình tự nucleotide trong DNA hoặc RNA thành trình tự các axit amin để tạo ra protein.

- a. Mã di truyền là mã bộ mấy?
- b. Từ 4 loại nucleotide hình thành bao nhiêu mã bộ ba?
- c. Có mấy mã bộ ba quy định acid amin?
- d. Mã bộ ba nào mã hóa methionine?

2. Tự luận

Câu 1. Một tế bào hợp tử có bộ NST $2n = 20$ tế bào tiến hành nguyên phân bình thường, các tế bào con sinh ra ngay sau lần nguyên phân đầu tiên lại tiếp tục nguyên phân 5 đợt tiếp theo.

- a) Xác định bộ NST ở mỗi tế bào con được tạo thành.
- b) Tính số lượng tế bào con được tạo ra sau đợt phân chia cuối cùng nói trên.

Câu 2. Ở lúa mạch đen (*Secale cereale*) có bộ nhiễm sắc thể $2n = 14$ và tổng số cặp nucleotide là $1,6 \times 10^{10}$. Tính số nhiễm sắc thể và số cặp nucleotide trong hạt phấn và tế bào rễ của loài này.

Câu 3. Ở người, bộ nhiễm sắc thể $2n = 46$. Xác định số nhiễm sắc thể của mỗi loại tế bào sau:

- a) Trứng chưa thụ tinh.
- b) Tinh trùng.
- c) Trứng đã được thụ tinh.
- d) Tế bào cơ tim.

Câu 4. Phân biệt NST thường và NST giới tính?

Câu 5. Phân tích mối quan hệ của DNA và tính trạng?

MÔN NGỮ VĂN

A. NỘI DUNG

I. Phần Đọc – Thực hành Tiếng Việt:

- **Đọc:** Văn bản truyện truyền kỳ, truyện thơ nôm, văn bản nghị luận, thơ song thất lục bát, thơ hiện đại, truyện hiện đại...

- Thực hành tiếng Việt:

- + Điền tích điền cô
- + Cách dẫn trực tiếp và gián tiếp
- + Nghĩa của từ, từ ghép và từ láy, cụm từ
- + Các biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ, nhân hoá, chơi chữ....

II. Phần viết:

- Viết bài văn nghị luận xã hội

- Viết đoạn văn nghị luận văn học

*** Yêu cầu:**

- Đối với phần đọc: Nắm vững tri thức thuộc thể loại

- Đối với phần Tiếng Việt: Nắm vững đặc điểm, công dụng, cách vận dụng các kiến thức Tiếng Việt đã học

- Đối với phần viết: Nắm vững cấu trúc kĩ năng viết bài văn, đoạn văn...

B. ĐỀ MINH HOẠ:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

BÀ MÁ HẬU GIANG

Má ngã xuống bên lò bếp đỏ	Sức đâu như ngọn sóng trào
Thằng giặc kia đứng ngó trùng trùng	Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây
Má già nhắm mắt, rung rung	Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
“Các con ơi, ở trong rừng U Minh	Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Má có chết, một mình má chết	Tao già không sức cầm dao
Cho các con trừ hết quân Tây!”	Giết bay, có các con tao trăm vùng!
Thằng kia bỗng giậm gót giày	Con tao, gan dạ anh hùng
Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói không?”	Như rừng được mạnh, như rừng trăm thơm!”
Lưỡi gươm lạnh toát kề hông	- Đầu năm 1941-
“Các con ơi! Má quyết không khai nào!”	(Trích “Bà má Hậu Giang”, Tố Hữu)

Câu 1. Đoạn trích trên viết theo thể thơ nào? Nêu căn cứ xác định thể thơ

Câu 2. Những từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn trích thể hiện tội ác của bọn giặc Tây?

Câu 3. Ghi lại một lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ:

“Sức đâu như ngọn sóng trào”

Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây

Câu 5. Viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng trình bày về một lẽ sống cao đẹp mà em rút ra được từ hình ảnh người mẹ trong đoạn trích trên.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của hình ảnh bà má Hậu Giang trong tám câu thơ cuối đoạn trích ở phần đọc hiểu

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội 400 chữ trình bày suy nghĩ của em về cách quản lý thời gian hiệu quả.

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. KT trực tiếp trên giấy.

2. Tỷ lệ phân môn: Lịch sử: 100%;

3. Tỷ lệ câu hỏi:

+ Trắc nghiệm: 70%

+ Tự luận: 30%

III. MỘT SỐ CÂU HỎI

1. Câu hỏi trắc nghiệm: 2 dạng

Dạng 1: Em hãy chọn và ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Sự kiện nào được coi là sự kiện mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người:

- A. Năm 1957, Liên Xô chế tạo thành vệ tinh nhân tạo
- B. Năm 1961, Liên Xô phóng thành công tàu vũ trụ đưa nhà du hành Ga- ga-rin bay vòng quanh trái đất.
- C. Đưa nhà du hành lên mặt trăng
- D. Đưa người lên thám hiểm sao hỏa

Câu 2. Nội dung nào không phản ánh đúng những bài học kinh nghiệm cách mạng Việt Nam có thể rút ra từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- A. Chớp thời cơ, dựa vào sức mạnh của toàn dân để tiến hành tổng khởi nghĩa.
- B. Vận dụng sang tạo chủ nghĩa Mác-Lenin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- C. Tập hợp, tổ chức lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh công khai, hợp pháp.
- D. Tổ chức, đoàn kết các lực lượng cách mạng trong một mặt trận dân tộc thống nhất

Câu 3. Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.
- B. Tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- C. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- D. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Câu 4. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào dân tộc dân chủ 1936-1939 đối với cách mạng Việt Nam là

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng.
- B. Tập hợp được quân đội chính trị đông đảo đến từ nông thôn.
- C. Tư tưởng Mác-Lenin, đường lối chính sách của Đảng được phổ biến một cách sâu rộng

Câu 5. Phong trào dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vì đã

- A. Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai.
- B. Khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930.
- C. Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
- D. Xây dựng được lực lượng chính trị quần chúng đông đảo

Dạng 2: Câu trắc nghiệm chọn ý đúng, ý sai

Câu hỏi. Đọc đoạn tư liệu sau đây

... “Sự đầu hàng của Chính phủ Nhật đã đẩy quân Nhật đang chiếm đóng ở Đông Dương vào tình thế tuyệt vọng như rắn mất đầu, hoang mang dao động đến cực độ. Chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã. Trước tình hình như vậy, Hồ Chí Minh đã sáng suốt nhận thức rằng: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Như đã nói, đây không chỉ là sự nhận thức khách quan khoa học mà còn biểu hiện quyết tâm đấu tranh giành chính quyền khi thời cơ đã có. Sự kết hợp giữa tình hình khách quan và nhận thức chủ quan một cách chính xác là một trong những điều kiện đưa cách mạng đến thắng lợi”.

(Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Cách mạng tháng Tám năm 1945 – Toàn cảnh, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2015, tr.48)

- a. Phát xít Đức đầu hàng đã tạo ra thời cơ thuận lợi “ngàn năm có một” cho cách mạng Việt Nam.
- b. Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- c. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò quyết định) là một nhận thức khoa học.
- d. Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành

động kịp thời và kiên quyết phát động toàn quốc đứng lên giành chính quyền.

2. Câu hỏi tự luận

Câu 1. Hãy nêu nguyên nhân, ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

Câu 2. Giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ?

Câu 3. Lập bảng so với thời kỳ đấu tranh cách mạng giai đoạn 1930- 1931 và 1936- 1939?

Câu 4. Phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại?

Câu 5. Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930?

MÔN ĐỊA LÝ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 9, 10, 11, 12

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

1. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. (VD)

Câu 2. Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (VD).

Bảng số liệu sau cho thấy chất lượng cuộc sống của người dân thế nào (cho nhận xét) ?

Năm	2010	2021
Tỉ lệ hộ nghèo (%)	29,4	13,4
Thu nhập bình quân đầu người/ tháng (triệu đồng)	0,9	2,8
Tuổi thọ trung bình (năm)	70	71,2
Tỉ lệ người lớn biết chữ (%)	88,3	90,6

Câu 3. Cho bảng số liệu: Quy mô dân số, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1999 – 2021.

Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	17,9	19,6	22,6	23,2
Số dân thành thị (nghìn người)	3 800,4	5 756,4	8 130,3	8 729,7
Tỉ lệ dân thành thị (%)	21,3	29,3	35,9	37,6

Nhận xét, đánh giá và giải thích quy mô dân số, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1999 – 2021.

2. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Có 2 dạng trắc nghiệm

1. Dạng 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

(HS trả lời từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu hỏi HS chọn một phương án đúng).

Em hãy chọn ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

VÍ DỤ: Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của nước ta vì:

- A. Sự phát triển của ngành công nghiệp
- B. Sự phát triển của nông nghiệp
- C. Đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống
- D. Sự phát triển của công nghệ

2. Dạng 2: Câu trắc nghiệm đúng sai.

Ghi vào bài làm chữ đúng/ sai với mỗi ý a, b, c, d.

VÍ DỤ: Cho bảng số liệu: Cơ cấu GRDP (giá hiện hành) của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2010 – 2021 (đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2021
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26,5	22,6	19,1

Công nghiệp và xây dựng	28	34,5	41,4
Dịch vụ	39,9	37,5	34,5
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,6	5,4	5

- Cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm liên tục.
- Công nghiệp và xây dựng tăng liên tục.
- Dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- KT trực tiếp trên giấy.
- Tỉ lệ câu hỏi:
 - + Trắc nghiệm: 70%
 - + Tự luận: 30%

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG:

- Bài 4. Khách quan và công bằng
- Bài 5. Bảo vệ hoà bình

Yêu cầu:

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, rèn luyện...
- Học sinh biết nhận xét và xử lí tình huống
- * Lưu ý: Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy theo nội dung các bài trên

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

1. Dạng câu hỏi TNKQ

Câu 1: “Khách quan” trong đánh giá một sự việc là:

- Đánh giá theo ý kiến người thân.
- Đánh giá theo ý thích cá nhân.
- Đánh giá dựa trên những thông tin, sự kiện có thật.
- Đánh giá theo số đông.

Câu 2: Hành vi nào thể hiện tính công bằng?

- Chỉ bênh vực bạn thân.
- Tôn trọng quyền lợi chính đáng của mọi người.
- Đổ lỗi cho người khác khi mình sai.
- Chăm điểm thiên vị.

Câu 3: Để rèn luyện tính khách quan, học sinh cần:

- Lắng nghe nhiều phía trước khi đưa ra nhận xét.
- Chỉ nghe ý kiến của người mình thích.
- Luôn bảo vệ ý kiến của bản thân dù sai.
- Tin vào tin đồn chưa kiểm chứng.

Câu 4: Hành vi nào dưới đây không thể hiện tính công bằng?

- Chia sẻ quyền lợi rõ ràng khi làm việc nhóm.
- Phân công nhiệm vụ dựa trên năng lực của từng bạn.
- Gán tội cho bạn khác khi chưa tìm hiểu rõ sự việc.
- Khen – chê đúng mức, phù hợp với nỗ lực của từng bạn.

Câu 5: “Hòa bình” là trạng thái:

- Không chiến tranh, mọi người sống an toàn và tôn trọng nhau.
- Không ai được phép có ý kiến riêng.
- Mọi quốc gia đều có quân đội mạnh.
- Không xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào.

Câu 6: Ý nghĩa của việc bảo vệ hòa bình đối với học sinh là:

- Giúp hiểu giá trị cuộc sống bình an và biết tránh bạo lực.
- Giúp trở nên mạnh mẽ hơn khi xung đột.
- Giúp thắng trong mọi cuộc tranh luận.

D. Giúp cạnh tranh với bạn bè.

Câu 7: Hành vi nào góp phần xây dựng môi trường hòa bình trong trường học?

- A. Gây gổ, kích động bạo lực.
- B. Tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử.
- C. Đăng tải thông tin xúc phạm người khác lên mạng.
- D. Cổ vũ cho xung đột giữa các nhóm bạn.

Câu 8: Biểu hiện của người có ý thức bảo vệ hòa bình là:

- A. Sử dụng lời lẽ kích động, gây căng thẳng.
- B. Luôn giải quyết mâu thuẫn bằng đối thoại, thương lượng.
- C. Thờ ơ khi thấy bất công xảy ra.
- D. Tự ý phán xét người khác khi chưa rõ sự việc.

Câu 9: Khi nghe hai bạn tranh cãi, người có tính khách quan sẽ:

- A. Chọn đứng về phía bạn thân.
- B. Không quan tâm vì không liên quan đến mình.
- C. Lắng nghe và tìm hiểu nguyên nhân của cả hai phía.
- D. Nói theo số đông để “cho an toàn”.

Câu 10: Tính công bằng giúp học sinh:

- A. Được bạn bè nể sợ.
- B. Gây áp lực cho người khác phải theo ý mình.
- C. Có các mối quan hệ tốt đẹp, được tin tưởng.
- D. Dễ dàng thắng trong tranh luận.

2. Dạng câu hỏi tự luận

Câu 1:

Tình huống: Trong lớp, có mâu thuẫn nhỏ giữa hai bạn. Một số bạn đứng ngoài hòa theo, chỉ trích một phía dù chưa biết rõ sự việc. Nếu là học sinh trong lớp, em sẽ làm gì để thể hiện tính khách quan và công bằng trong cách nhìn nhận và giải quyết tình huống?

Câu 2:

Thế nào là khách quan và công bằng? Theo em, vì sao học sinh cần rèn luyện hai phẩm chất này trong học tập và các mối quan hệ hằng ngày? Hãy nêu một số việc em đã làm thể hiện tính công bằng.

Câu 3:

Tình huống: Trong cộng đồng dân cư nơi em sống, địa phương tổ chức phong trào “Xây dựng khu dân cư hòa bình – không bạo lực”. Tuy nhiên, một số bạn trẻ lại thường xuyên to tiếng, cãi vã, gây mất trật tự.

Theo em, việc làm đó gây ảnh hưởng như thế nào? Em sẽ tuyên truyền hoặc khuyên nhủ họ ra sao để góp phần bảo vệ hòa bình trong cộng đồng?

MÔN TIẾNG ANH

A.VOCABULARY:

Unit 1: Local community

Unit 2: City life

Unit 3: Healthy living for teens

Unit 4: Remembering the past

Unit 5: Vietnamese lifestyle: Then and now

B. GRAMMAR

- Question words before to- infinitives
- Phrasal verbs
- Double comparatives
- Modal verbs in first condition sentences
- Past continuous, wish + past simple

- Present perfect
- Verbs + to-infinitive/ Verbs + V-ing

C. PRONUNCIATION

- Sounds : /æ/; /ɑ:/ and /e/
- Sounds : /aʊ/; /əʊ/ and /eə/
- Sounds : /h/ and /r/
- Sounds : /m/ and /l/
- Sounds : /j/ and /w/

D. COMMUNICATION

- Seeking help and responding
- Offering help and responding
- Asking for repetition and responding
- Thanking and responding
- Apologising and responding

PRACTICE

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 1.** A. wheat B. whole C. wheel D. whether
Question 2. A. mystery B. supply C. easy D. silly

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 3.** A. temple B. campus C. pursue D. promise
Question 4. A. democratic B. relationship C. traditional D. participate

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 5.** We wish we _____ the cultural heritage of our town more actively.
 A. could preserve B. preserve C. preserving D. preserved
- Question 6.** We discussed how _____ a safer pedestrian zone.
 A. to create B. creating C. created D. creation
- Question 7.** _____ the world heritages are to humanity, _____ they are protected and preserved.
 A. The most invaluable/ the more many B. The more invaluable/ the more
 C. More invaluable/ more D. The more invaluable/ the less
- Question 8.** If you want to stay healthy, you _____ eat too much junk food.
 A. can't B. might not C. needn't D. shoudn't
- Question 9.** This time 20 years ago, my mother was studying at a college for languages, and my father _____ for a foreign company.
 A. worked B. working C. was working D. work
- Question 10.** - _____ to your pen pal yet? - Not yet. I'm too busy.
 A. Do you write B. Are you writing C. Did you write D. Have you written
- Question 11.** We must try to avoid _____ those mistakes in the future.
 A. repeating B. to make C. correcting D. to find
- Question 12.** Lily and her mom are in the kitchen.
 Lily: I'm sorry, Mum. I haven't cooked dinner.
 Mom: _____. You can do it now.
 A. OK good B. That's alright C. Welcome D. I haven't either

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 13 to 16.

TIPS FOR SAFE TRAVEL

1. Always keep your valuables (13) _____ your sight and avoid crowded places.
2. If you're traveling to a foreign country, make sure you learn a few basic phrases in (14) _____ local language.
3. (15) _____ travel advisories from your government before planning your trip.
4. If you feel unsafe, (16) _____ the nearest embassy or consulate for assistance.

- Question 13.** A. on B. within C. over D. inside
Question 14. A. the B. x (no article) C. an D. a
Question 15. A. Watch B. Listen C. Refer D. Consult
Question 16. A. contact B. contacting C. contacted D. contacts

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 17. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

- a. Firstly, there is the problem of traffic jams and traffic accidents. The increase in population and the increasing number of vehicles have caused many accidents to happen every day.
- b. Living in a city has a number of drawbacks.
- c. Secondly, air pollution negatively affects people's health, and it also has a bad influence on the environment. More and more city dwellers suffer from coughing or breathing problems.

- A. b- c- a B. a- c- b C. b- a- c D. c- b- a

Question 18. Choose the sentence that can end the text (in Question 17) most appropriately.

- A. Thirdly, the city is noisy, even at night. Noise pollution comes from the traffic and from construction sites.
- B. Therefore, people should avoid living in cities as much as possible.
- C. In conclusion, living in a city can be a challenging experience due to various environmental and social issues.
- D. However, the benefits of living in a city far outweigh the drawbacks.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank

Fathers used to act as the “breadwinner” of their family, and as the teacher of moral and religious values. (19) _____, those roles are gradually changing. More and more women are going out to (20) _____ money. This increases the budget of the family. Besides, there are various programmes assisting mothers financially. These changes have greatly impacted (21) _____ because they make paternal financial support less essential for (22) _____. With (23) _____ financial support reduced, and with a changing concept of a father’s role, modern fathers tend to be more involved in children's caregiving. They are now spending more time and energy on their children. Researches suggest that fatherly love helps children develop a sense of their place in the world, which helps their social and emotional (24) _____. Moreover, children who receive more love from their fathers are less likely to have behavioural problems.

- Question 19:** A. So B. Despite C. Therefore D. However
Question 20: A. work and get B. works and earns C. work and earn D. work and gets
Question 21: A. the role of fathers B. the fathers of role C. role of the fathers D. fathers of the role

- Question 22:** A. much family B. little families C. each families D. many families
Question 23: A. the burden of B. a burden of C. the burden with D. a burden with
Question 24: A. develops B. development C. develop D. developing

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 25. The last time I visited my grandparents was a year ago.

- A. I haven't visited my grandparents for a year.
 B. A year ago, I often visited my grandparents.
 C. My visit to my grandparents lasted a year.
 D. At last I visited my grandparents after a year.

Question 26. A burglar broke into the building. At the time the guard was sleeping.

- A. Before a burglar broke into the building, the guard slept.
 B. When a burglar was breaking into the building, the guard slept.
 C. A burglar broke into the building as soon as the guard slept.
 D. When a burglar broke into the building, the guard was sleeping.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 27. We all / wish / people / live / in peace / have / happy life /.

- A. We all wish the people can live in peace and have a happy life.
 B. We all wish people are living in peace and having a happy life.
 C. We all wish people could live in peace and have a happy life.
 D. We all wish people lived in peace and have a happy life.

Question 28. She / try / avoid / mention / her failure /.

- A. She tries avoiding to mention her failure. B. She tried to avoid mentioning her failure.
 C. She tries to avoid to mention her failure. D. She will try avoiding to mention her failure.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 29. What does the sign say?



- A. This parking space is for people with disabilities.
 B. This place is used for parking vehicles.
 C. People can put their wheelchairs here.
 D. Disabled people are allowed to enter this place.

Question 30. What does the notice say?

Free Wi-Fi is available in all public areas. Please ask the front desk for the password.

- A. Wi-Fi is only available in the rooms.
 B. Free Wi-Fi is available everywhere, and the password is needed.
 C. Wi-Fi is free but only in the lobby.
 D. You need to pay for Wi-Fi access.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Local traditions and customs are **important** parts of a community's culture. They can be very different from one place to another and show the history of each area. For example, many

places have festivals that are a big part of their local culture. These festivals often have special foods, dances, and ceremonies that are unique to each place.

People also celebrate holidays in different ways. Some places have traditional festivals for each season, while others celebrate important historical or religious events. For instance, many cultures celebrate New Year's Day on January 1st, but some have their own special dates for the new year based on their traditions.

Local customs can also affect everyday life. In some places, people might greet each other with a special handshake or use certain phrases that show their cultural values. The way people dress, what they eat, and the music they enjoy can all be influenced by local customs.

Even with these differences, people who follow these traditions often feel a strong sense of community and belonging. Learning about and respecting local customs can help **build** good relationships between people from different backgrounds.

Question 31: What is the main idea of the reading passage?

- A. Local traditions are the same everywhere.
- B. Local traditions are different and show the history of each place.
- C. Festivals are the only important part of local culture.
- D. Everyday customs do not matter in local culture.

Question 32: The word “**important**” in paragraph 1 is **CLOSEST** in meaning to _____.

- A. big
- B. easy
- C. minor
- D. unusual

Question 33: What does the writer use to explain each point?

- A. numbers
- B. symbols
- C. examples
- D. quotes

Question 34: Which example is NOT mentioned in the text?

- A. Festivals that show local culture
- B. Special dates for New Year's celebrations
- C. Special handshakes and phrases
- D. Traditional ways of dressing

Question 35: What final comment does the author make about local customs?

- A. Local customs do not affect daily life.
- B. Local customs are more important than community values.
- C. Understanding local customs helps build good relationships.
- D. There are no differences in holiday celebrations.

Question 36: The word “**build**” in paragraph 4 is **OPPOSITE** in meaning to _____.

- A. encourage
- B. support
- C. stop
- D. promote

Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that fits each of the numbered blanks

Good health is one of the most important things in life. (37) _____, taking care of the body and mind has become a priority. Eating healthy food, exercising, and (38) _____. A good diet includes fruits, vegetables, and whole grains, which give the body energy and nutrients. Exercise helps the heart, builds muscle, and keeps a healthy weight. Sleep is also important. (39) _____, the body can't recover well. Research shows that 7-9 hours of sleep leads to better health. Recently, mental health has gained more attention. Handling stress, staying close to loved ones, and mindfulness (40) _____. Since mental health is as important as physical health, it leads to a happier life.

- A. When people don't sleep enough
- B. help improve mental health
- C. getting enough sleep are key to staying healthy
- D. As more people understand the importance of health

MÔN ÂM NHẠC

B. Nội dung :

1. Ôn tập phần học hát: Học thuộc lời các bài hát trong chương trình

+ *Dáng thầy*

+ *Dòng sông quê hương*

(yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát)

2. Ôn tập bài tập đọc nhạc số 3

Yêu cầu: đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca biết gõ đệm theo nhịp, phách

MÔN THỂ DỤC

4. Khối 9: Chủ đề : Thể thao tự chọn

- Ôn kỹ thuật bật nhảy đánh cầu cao tay bên phải

MÔN MỸ THUẬT

III. Khối 9: tuần 16: Thiết kế tờ gấp giới thiệu sản phẩm

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập:

Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân

- Phòng chống xâm hại trẻ em
- Tìm hiểu cách ứng phó với căng thẳng trong quá trình học tập và áp lực của cuộc sống
- Tri ân thầy cô – 20/11
- Hướng ứng ngày thế giới phòng chống bệnh AIDS. Phòng chống tệ nạn HIV AIDS, mại dâm
- Phòng chống bắt cóc, xâm hại trẻ em
- Tìm hiểu cách tạo động lực cho bản thân.

Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân

- Giáo dục giới tính – Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên
- Tìm hiểu cách xây dựng ngân sách cá nhân có tính đến các khoản thu chi tiết kiệm, cho, tặng
- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12

Phần 2. Hình thức ra đề: 100% tự luận

Phần 3. Một số câu hỏi ôn tập:

Câu 1. Em hãy trình bày những dấu hiệu nhận biết nguy cơ xâm hại trẻ em. Nếu gặp tình huống nguy hiểm, em sẽ làm gì để tự bảo vệ mình?

Câu 2. Trong học tập, em thường gặp những áp lực nào? Hãy nêu một số biện pháp em đã áp dụng để ứng phó với căng thẳng hiệu quả.

Câu 3. Hãy nêu ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Em đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô?

Câu 4. Em hiểu như thế nào về phòng chống HIV/AIDS và tệ nạn mại dâm? Hãy nêu một số hành động cụ thể giúp tuyên truyền hoặc nâng cao nhận thức cho cộng đồng.

Câu 5. Hãy nêu những cách em có thể thực hiện để phòng tránh nguy cơ bị bắt cóc. Em sẽ xử lý như thế nào khi có người lạ tiếp cận và dụ dỗ?

Câu 6. Theo em, vì sao cần tạo động lực cho bản thân trong học tập và cuộc sống? Em đã làm gì để duy trì sự nỗ lực của mình mỗi ngày?

Câu 7. Trình bày những kiến thức cơ bản về giáo dục giới tính và chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên mà học sinh cần biết. Việc chuẩn bị những hiểu biết này giúp ích cho em như thế nào?

Câu 8. Theo em, vì sao học sinh cần có kỹ năng lập ngân sách cá nhân? Hãy chia sẻ cách em quản lý khoản tiền tiêu vặt hằng tuần của mình.

Câu 9. Ngày 22/12 – Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam có ý nghĩa gì? Hãy nêu một việc làm thiết thực của học sinh để thể hiện lòng biết ơn với các chú bộ đội.

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

I. Nội dung:

- Chủ đề 1: Lịch sử Hà Nội từ 1918 đến nay
- + Hà Nội củng cố chính quyền, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975)
- + Hà Nội xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới và hội nhập từ năm 1976 đến nay.
- Chủ đề 2: Văn hóa
- + Văn hóa ẩm thực của người Hà Nội.

II. Câu hỏi tham khảo ôn tập.

Em hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu 1: Trình bày những sự kiện tiêu biểu tại Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày toàn quốc kháng chiến?

Câu 2: Trình bày những sự kiện tiêu biểu giai đoạn Hà Nội xây dựng và phát triển từ năm 1976 đến năm 1985.

Câu 3: Trình bày những sự kiện tiêu Hà Nội đổi mới và hội nhập từ năm 1986 đến nay.

Câu 4: Theo em, ẩm thực và văn hóa ẩm thực là gì?

Câu 5: Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực Hà Nội.

Nơi nhận:

- GVCN khối 9;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Vân